

**THERAVĀDA**

**LUẬT TẬP YẾU**  
**KHUDDASIKKHĀ**

**GIẢNG SƯ**  
**SAYADAW U KUṄḌADHĀNA**

**BHIKKHU PAVARADHAMMIKA**  
**PHIÊN DỊCH VÀ HIỆU ĐÍNH**

**BUỔI 4**

**DIỆU NHÃN CHUYỂN DỊCH**  
**NGUYỄN NHƯ TRÌNH BÀY**



Đức Phật đã giảng dạy giới luật cho tất cả Tỳ-kheo, các hàng đệ tử và cho tất cả mọi người bằng hai loại tuệ: tuệ toàn giác và tuệ đại bi. Nhân dịp tháng dâng y Kāṭhina nên hôm nay Sayadaw sẽ giảng một chút về lễ dâng y Kāṭhina, sau đó chúng ta sẽ tiếp tục bài học về Khuddasikkhā - Luật Tập Yếu.

**MÙA DÂNG Y Kāṭhina – 1 THÁNG (29 NGÀY)**  
**Kāṭhina SEASON – 1 MONTH (29 DAYS)**

Mùa dâng y Kāṭhina trong vòng một tháng (29 ngày). Trong năm 2021 thì mùa Kāṭhina sẽ bắt đầu vào ngày 21/10 - 18/11 dương lịch.

**“anujānāmi, bhikkhave, vassaṃvuṭṭhānaṃ bhikkhūnaṃ Kāṭhinaṃ attharituṃ.”**

*“Monks, I allow to spread the Kāṭhina for those bhikkhus who have completed the vassa.”*

“Này các tỳ khuru, ta cho phép thành tựu Kāṭhina đến các tỳ khuru đã sống qua mùa an cư (mùa mưa).”



Tỳ Kheo có Kaṭhina đã được thành tựu, 5 điều này sẽ trở thành được phép - 5 things allowable for those who have spread the kaṭhina

(1) Tới các gia đình trước và sau sự thỉnh mời trai tăng - Visiting families before or after a meal invitation

(2) Việc ra đi không mang theo (đủ ba y) - staying apart from your robe for more than a day

(3) Sự thọ thực thành nhóm - Eating in a group

(4) Được sử dụng nhiều y theo như nhu cầu - Keeping as much extra robe-cloth as you need

(5) Sự phát sanh về y tại nơi ấy sẽ là của các vị ấy - Whatever robe-cloth is given is only for those who have participated in spreading the kaṭhina

**“atthatakathinānaṃ vo, bhikkhave, pañca kappissanti —anāmantacāro, asamādānacāro, gaṇabhojanaṃ, yāvadatthacīvaram, yo ca tattha cīvaruppādo so nesam bhavissatīti. atthatakathinānaṃ vo, bhikkhave, imāni pañca kappissaṃ.”**

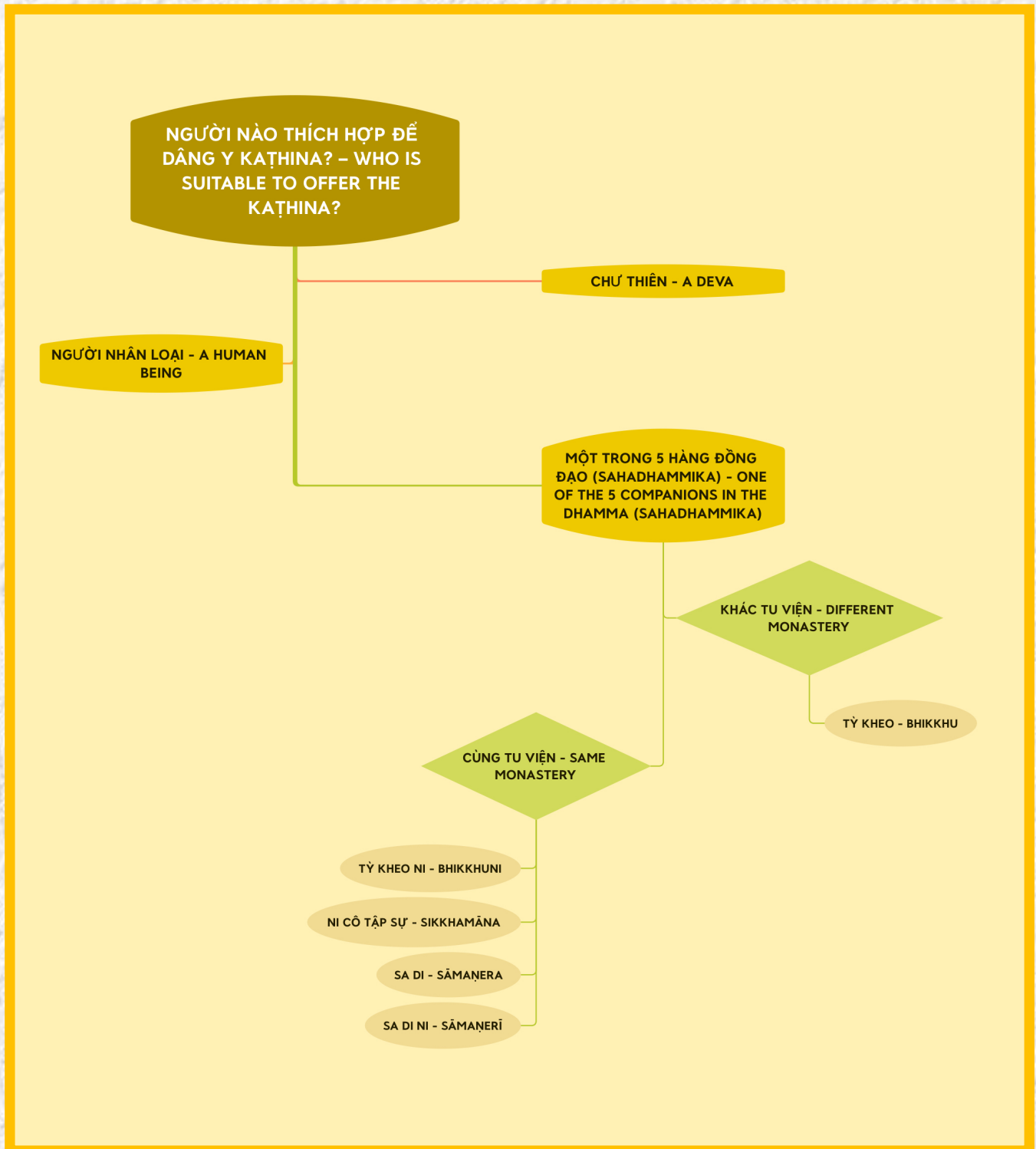


***“Monks, for those who have spread the Kaṭhina, five things are allowable for you – (1) visiting families before or after a meal invitation, (2) staying apart from your robe for more than a day, (3) eating in a group, (4) keeping as much extra robe-cloth as you need, and (5) whatever robe-cloth is given is only for those who have participated in spreading the Kaṭhina. Monks, these are the five things allowable for those who have spread the Kaṭhina.”***

Này các tỳ khưu, khi các người có Kaṭhina đã được thành tựu, năm điều này sẽ trở thành được phép: (1) tới các gia đình trước và sau sự thỉnh mời trai tăng, (2) việc ra đi không mang theo (đủ ba y), (3) sự thọ thực thành nhóm, (4) được sử dụng nhiều y theo như nhu cầu, (5) sự phát sanh về y tại nơi ấy sẽ là của các vị ấy. Này các tỳ khưu, khi các người có Kaṭhina đã được thành tựu, năm điều này sẽ được phép đối với các người.



*(Mahāvaggapāḷi, 7. Kaṭhinakkhandhako, 187. Kathinānujānanā)* TẶNG LUẬT ĐẠI PHẨM VII. CHƯƠNG Kaṭhina:





**Kaṭhinam kena dinnam vaṭṭati?** Người nào có thể dâng y Kaṭhina? – *Who can offer the Kaṭhina?*

**Yena kenaci devena vā manussena vā pañcannam vā sahadhammikānam aññatarena dinnam vaṭṭati.** Người nào thích hợp để dâng y Kaṭhina? – *Who is suitable to offer the Kaṭhina?*

Nó là thích hợp cúng dường Kaṭhina cho bất kỳ một trong những chúng sanh sau – *It is suitable for any one of the following to offer the Kaṭhina:*

- Một vị chư thiên hay một người hay – *A deva, or A human being, or*
- Một trong năm hàng đồng đạo (*sahadhammika*) – *One of the five companions in the Dhamma (sahadhammika):* Tỳ khưu ni, cô ni tập sự, sa-di, sa-di ni (bốn hạng người còn lại có thể là người ở trong cùng tu viện) – *Bhikkhuni, Sikkhamāna, Sāmaṇera, Sāmaṇerī (the remaining four can be those staying in the same monastery).*



- Tỳ kheo (Phải là vị đang cư ngụ tại một tu viện khác) – *Bhikkhu (it must be a bhikkhu staying in a different monastery)*

## **Thành tựu vải Kaṭhina – *Allowable cloth for Kaṭhina.***

- Dâng vải may y phải đúng và hợp luật, không được dùng vải nhân tạo, hay các loại vải dùng để làm ô (dù) hay áo mưa .v.v. – *The cloth being offered must be proper and acceptable – cannot use synthetic cloth, or the type of material used for umbrella or rain-coat etc.*
- Loại vải hợp luật được giải thích trong câu kệ ở trong Luật Tập Yếu-Phẩm Y – *The proper types of cloth is also explained in the following stanza:*

**“Khomakoseyyakappāsa-sāṇabhaṅgāni  
kambalaṃ;  
Kappiyāni chaletāni, sānulomāni jātito.**



**THÀNH TỰU VẢI KAT̥HINA -  
ALLOWABLE CLOTH FOR KAT̥HINA.**

Khoma = linen cloth: vải lanh.

Koseyya = silk cloth: tơ lụa.

Kappāsa = cotton: cô-tông (sợi bông). Loại vải này rất là thích hợp cho thiền sinh, hành giả.

Sāṇa = hemp cloth: vải sợi gai dầu.

Bhaṅga = coarse hemp cloth: vải sợi gai dầu thô.

Kambala = woollen cloth: vải len.



Câu kệ này Sayadaw sẽ giảng ở những bài học tới trong Phẩm Y - Cīvara. Tuy nhiên hôm nay Ngài sẽ nói sơ qua cho chúng ta biết ý nghĩa của câu này.

**Khoma** = *linen cloth*: vải lanh.

**Koseyya** = *silk cloth*: tơ lụa.

Sayadaw nghĩ rằng, vải tơ lụa hiện nay rất là đắt đỏ và rất khó để kiếm được loại vải này. Tuần trước có một cô tu nữ người Trung Quốc có hỏi Sayadaw rằng: "Y được làm bằng tơ lụa có được phép hay không? Bởi vì vải tơ lụa rất là đắt nên họ nghĩ rằng các vị Tỳ-kheo không được phép mặc. Vải tơ lụa rất là mềm, nhẹ và rất là đắt đỏ nhưng vẫn được phép cúng dường".

**Kappāsa** = *cotton*: cô-tông (sợi bông). Loại vải này rất là thích hợp cho thiền sinh, hành giả.

**Sāṇa** = *hemp cloth*: vải sợi gai dầu.



**Bhaṅga** = *coarse hemp cloth*: vải sợi gai dầu thô.

**Kambala** = *woollen cloth*: vải len.

Chất liệu của vải len được làm từ những sợi lông con cừu. Sayadaw nghĩ rằng vải len sẽ rất phù hợp đối với những nơi có mùa đông lạnh như miền Bắc Trung Quốc hoặc miền Bắc Việt Nam...

⇒ Những loại vải này thì được phép thành tựu vải y Kaṭhina.

**Dukūlañceva paṭṭuṇṇa-paṭaṃ somāracīnajaṃ;  
Iddhijaṃ devadinnañca, tassa  
tassānulomikaṃ.” (Khuddasikkhā,  
Cīvaraniddeso)**

**Dukūla** = *very fine cloth (made from the bark of the dukūla plant)*: Loại vải rất tốt, được làm từ vỏ của cây dukūla.

**Paṭṭuṇṇa-paṭa** = **pattuṇṇa** = *woven silk*: Dệt tơ.



**Somāracīnaja** = *cloth produced in Somāra and China*: Vải sản xuất tại vùng Somāra và Trung Quốc.

Trung Quốc thì chúng ta biết rồi, còn Somāra là tên của một địa danh nhưng hiện giờ Somāra nằm ở đâu thì Sayadaw không biết.

**Iddhija** = *cloth produced by psychic power*: Vải tạo ra bởi thần thông.

**Devadinnam** = *cloth offered by devas*: Vải cúng dường bởi chư thiên.

Sáu loại vải này là tương tự như vải lanh (vải bố - khoma) .v.v. - *These six types of cloth are similar to linen cloth (khoma) etc.*

Trên đây là những loại vải được phép thành tựu vải Kaṭhina. Bây giờ thì chúng ta không chỉ cúng dường y Kaṭhina mà còn cúng dường những vật dụng như: dép, ô, dù..., đi cùng với y Kaṭhina. Thật ra chỉ cần một bộ y Kaṭhina là đã đủ để cúng dường đến chư tăng. Chúng ta cũng thấy rằng thí



chủ cúng dường rất là nhiều y, thì tất cả những y đó là y dư (y phụ tùng thêm).

Ở tu viện Pa-Auk Tawya Dawei, nơi Ngài Sayadaw đang ở có chia làm ba tu viện nhỏ và thì thí chủ đã cúng dường ba bộ y Kaṭhina tới cho cả ba tu viện. Trong khi chúng ta có tác ý cúng dường y và các vật dụng đi kèm cho cá nhân các vị Tỷ-kheo và trong tâm giữ ân đức tăng của mình.

Trong mùa dâng y Kaṭhina thì chúng ta không chỉ cúng dường y mà còn có thể cúng dường cốc (kuti), liêu.

**Như vậy thì cúng dường vải (dussa) hoặc y (Cīvara) có gì khác biệt? – Offering of cloth (*dussa*) or robe (*cīvara*).**

Thí chủ cư sĩ có thể cúng dường hoặc là vải Kaṭhina (Kaṭhina dussa) , hoặc là y Kaṭhina hoàn chỉnh (Kaṭhina cīvara) – *The lay donor may offer either a Kaṭhina cloth (Kaṭhina dussa) or a completed Kaṭhina robe (Kaṭhina cīvara).*



Nếu chư tăng thọ lãnh vải Kaṭhina thì tất cả Tỳ kheo phải tiến hành cắt, may, nhuộm với màu tự nhiên, cũng như là phải nguyện y Kaṭhina. Tất cả phải trong cùng ngày (trước rạng đông ngày hôm sau) – *If the saṅgha receives a Kaṭhina cloth, the bhikkhus must finish all the procedures of cutting, sewing, dyeing with natural colour, as well as making the Kaṭhina determination all within the same day (before dawn of the following day).*

Nếu chư tăng thọ lãnh y Kaṭhina, chư tỳ khuru chỉ cần nhuộm y nếu màu của nó không phải màu tự nhiên, và tiến hành nhuộm y trong cùng ngày – *If the saṅgha receives a Kaṭhina robe, the bhikkhus only need to dye if the colour is not natural, and then perform the determination within the same day.*

Có một số quan điểm của các Ngài Sayadaw: Nếu màu của y không phải là màu tự nhiên cũng không sao, vẫn có thể làm thành tỳ y Kaṭhina. Nhưng cũng có một số Ngài Sayadaw lại có ý kiến là thích nhuộm y hơn.



**Tất cả chư tỳ khuru giúp chuẩn bị y Kaṭhina –  
All bhikkhus help with the preparation of the  
Kaṭhina robe.**

Sau khi chư tăng thọ lãnh vải Kaṭhina thì tất cả  
chư tỳ khuru phải có mặt để giúp chuẩn bị y  
Kaṭhina trong cùng ngày: cắt, may, nhuộm .v.v. -  
*After the Saṅgha has accepted the Kaṭhina cloth,  
all bhikkhus present must help with the  
preparation of the Kaṭhina robe within the same  
day – cutting, sewing, dyeing, etc.*

Trong thời Đức Thế Tôn Padumuttara, có một vị  
thánh tối thượng tinh văn (*aggasāvaka*) của Đức  
Phật đó là Đại Đức Sujata đã nhận một miếng vải  
Kaṭhina. Khi đó thì có 6.800.000 tỳ khuru có Đức  
Phật dẫn đầu cùng giúp chuẩn bị y Kaṭhina –  
*During the Padumuttara Buddha's time, one of  
the chief disciples (aggasāvaka) of the Buddha,  
Venerable Sujata, received a piece of Kaṭhina  
cloth. At that time, 6,800,000 bhikkhus headed by  
the Buddha helped in the preparation of the  
Kaṭhina robe.*



Do sự tham gia của toàn bộ tăng chúng nên y Kāṭhina là gambhīra kusala – thiện pháp thù thắng (trọng thiện pháp). Vì vậy, nó cũng là phước báu rất thù thắng cho thí chủ – *Because of this involvement of the entire saṅgha, the Kāṭhina robe is gambhīra kusala – profound/heavy meritorious deeds. Therefore, it is also very heavy merits for the donor.*

Hôm nay là ngày diễn ra tăng sự làm Kāṭhina được chủ trì bởi Ngài Đại Trưởng Lão Pa Auk Sayadaygyi tại Pa Auk Pyin Oo Lwin. Bây giờ Sayadaw sẽ giảng cho chúng ta biết về thứ tự, tuần tự diễn ra tăng sự Kāṭhina.

Chúng ta có thể tìm trên trang web wikipali với từ khóa: **Kāṭhina Ceremony and Procedure**. Có tổng cộng là 8 bước tuần tự để thực hành tăng sự Kāṭhina như sau:



## Kaṭhina Ceremony And Proceedure

小僧善巧@Kosalla\_Chinaen

step	item	place	supervisor	details
1	dāyaka offer kaṭhina	anywhere	dāyaka & saṅgha	dāna formula
2	electing one Bhikkhu (bhikkhu)	any Boundary (simā)	saṅgha	method of election
3	giving kaṭhina robe to the selected Bhikkhu by Formula Of Kamma (kammavācā)	any Boundary	saṅgha	kammavācā
4	paccuddharana	inside vassana monastery	kaṭhina bhikkhu	formula
5	kappabindu	inside vassana monastery	kaṭhina bhikkhu	formula
6	adhiṭṭhāna	inside vassana monastery	kaṭhina bhikkhu	formula
7	attharaṇa	inside vassana monastery	kaṭhina bhikkhu & saṅgha	formula
8	anumodana	inside vassana monastery	kaṭhina bhikkhu & saṅgha	formula

### I. **Bước 1:** *dāyaka offer Kaṭhina* – Thí chủ cúng dường Kaṭhina.

Bước này rất là quan trọng vì khi đó sẽ có vừa thí chủ cư sĩ và chư tăng. Ở bước này khi thí chủ cúng dường Kaṭhina có thể ở bất kỳ nơi nào. Ví dụ: Ở chi nhánh Pa Auk Singapore rất là nhỏ, chính vì thế buổi lễ cúng dường dâng y Kaṭhina của thí chủ sẽ được diễn ra ở một nơi khác, nơi có diện tích rộng hơn để tổ chức.



Từ bước thứ 2 đến bước thứ 8 chỉ cần các vị Tỳ-kheo mà không cần có thí chủ. Trong video mà chúng ta đã xem thì tăng sự làm lễ Kāṭhina do Ngài Trưởng Lão Pa Auk Sayadawgyi dẫn đầu thì chỉ có các vị Tỳ-kheo mà thôi. Muốn biết về công thức để tụng thì chúng ta có thể nhấn vào nút *dāna formula*, sau đó nó sẽ hiện ra công thức bằng tiếng pāli và tiếng Anh. Ở trang web này chúng ta có thể hỗ trợ bằng cách thêm và đăng tải lên bằng bất kỳ ngôn ngữ nào. Ví dụ: Chúng ta có thể thêm tiếng Việt, tiếng Anh...v.v, nó sẽ trở thành một trang từ điển wikipali nhằm thuận tiện cho việc sử dụng.

**II. Bước 2:** *electing one Bhikkhu (any Boundary) (sīmā)* – Chọn một vị Tỳ-kheo ở trong khu vực sīmā thọ lãnh y Kāṭhina.

Có thể làm lễ ở bất kỳ sīmā nào bởi vì có một số tu viện không có sīmā, do vậy có thể làm lễ ở dòng sông hoặc đi ra biển để làm tăng sự. Ví dụ như ở Singapore đã có rất nhiều lần các Ngài Sayadaw phải đi thuyền ra biển để làm tăng sự Kāṭhina. Đối với tăng sự này thì phải cần có chư



tăng. Một số tu viện nhỏ chỉ có từ 1-3 vị Tỳ-kheo, nên các vị ấy phải mời thêm các vị Tỳ-kheo từ những nơi khác tới cho đủ chư tăng để tiến hành thực hiện tăng sự Kāṭhina.

Do vậy thứ tự các bước sẽ như sau: Đầu tiên thì các dayaka (thí chủ) sẽ cúng dường y Kāṭhina đến cho chư tăng. Quả phước cúng dường đến chư tăng là vô cùng lớn. Y cúng dường cho chư tăng gọi là (Saṅghika-dāna). Khi ở tu viện phải chọn ra một vị Tỳ-kheo thọ nhận y Kāṭhina và rải y Kāṭhina.

Để biết rõ hơn về cách thức thực hiện như thế nào thì chúng ta có thể nhấn vào nút bên cạnh: "*method of election*", sau đó nó sẽ hiện ra tiếng Anh và tiếng Trung Quốc. Trong này có giải thích rất rõ

**III. Bước 3:** *giving Kāṭhina robe to the selected Bhikkhu by Formula Of Kamma (kammavācā)* – Trao y cho vị Tỳ-kheo đã được chọn và sau đó chư tăng sẽ tụng tăng sự (kammavācā).



Sau khi đã thọ lãnh y Kaṭhina cīvara thì các vị Tỳ-kheo sẽ hội họp lại tại sīmā, sau đó sẽ có một vị Tỳ-kheo sẽ hỏi:

“Kính thưa chư đại đức tăng, hoặc bất kỳ ai trong các vị hiện đang có y cũ rách?”.

Nếu sau đó có một vị Tỳ-kheo nào đứng ra nói: “Tôi (con) hiện đang có y cũ rách”. Sau đó thì chư tăng sẽ trao bộ y Kaṭhina đến cho vị tỳ khuru này.

Nếu không có ai có y cũ rách thì chư tăng sẽ cúng dường bộ y Kaṭhina đó đến cho vị trưởng lão lớn hạ nhất. Nhưng nếu vị trưởng lão lớn hạ ấy lại chuyển cơ hội này cho người khác thì bộ y lại được chuyển cho vị Tỳ-kheo nhỏ hạ hơn kế sau ngài. Tiếp tục như vậy, nếu ngài trưởng lão thứ hai cũng chuyển cơ hội nhận y Kaṭhina này cho những người khác thì bộ y sẽ được chuyển tiếp theo đến những vị Tỳ-kheo nhỏ hơn nữa. Cho đến khi nào một vị Tỳ-kheo hoan hỷ đứng ra nhận bộ y Kaṭhina thì khi ấy chư tăng mới bắt đầu tụng



kammavācā - Tụng tặng sự đến cho vị Tỳ-kheo đã được chọn.

Ngày nay thì rất hiếm hoi để tìm được một vị Tỳ-kheo nào có y cũ rách phải không? Sau đây thì Sayadaw kể một câu chuyện ở Pa Auk Mawlamyine (trung tâm chính):

Câu chuyện này từ cách đây khoảng hai mươi năm, lúc ấy đang diễn ra buổi lễ dâng y Kāṭhina và chư tăng đã hỏi: “Có vị nào có y cũ rách không?”

- Sau đó có một vị Tỳ-kheo đã thưa với chư tăng rằng: "Dạ, con có y cũ và rách".

Khi ấy thì Ngài Đại Trưởng Lão Pa Auk Sayadawgyi đã hỏi: "Con đang có y cũ rách à?".

- Vị ấy trả lời rằng: "Tất cả y của con, con đã cúng dường hết ngày hôm qua rồi, bây giờ con chỉ có một bộ cũ rách này thôi. Chính vì vị ấy muốn nhận y Kāṭhina nên trước khi lễ dâng y diễn ra vị ấy đã cúng dường hết y của



mình, chứ thật ra vị ấy không hề thiếu y. Vị này có y nghèo nàn là do “nhân tạo” chứ không phải nghèo nàn thật sự. Trong trường hợp này sẽ ưu tiên cho vị nào có y cũ rách thật sự chứ không phải là do “nhân tạo”.

Sau khi đã chọn được vị Tỳ-kheo thích hợp để nhận y Kāṭhina rồi thì chư tăng sẽ bắt đầu tụng tăng sự bằng tiếng pāli (kammavācā):

*“suṇātu me, bhante, saṅgho. idaṃ saṅghassa Kāṭhinacīvaram uppannaṃ. yadi saṅghassa pattakallaṃ, saṅgho imaṃ Kāṭhinadussaṃ itthannāmassa bhikkhuno dadeyya Kāṭhinaṃ attharituṃ. esā ñatti. saṅgho imaṃ Kāṭhinacīvaram itthannāmassa bhikkhuno deti Kāṭhinaṃ attharituṃ. yassāyasmato khamati imassa Kāṭhinacīvarassa itthannāmassa bhikkhuno dānaṃ Kāṭhinaṃ attharituṃ, so tuṇhassa; yassa nakkhamati, so bhāseyya. dinnam idaṃ saṅghena Kāṭhinacīvaram itthannāmassa bhikkhuno Kāṭhinaṃ attharituṃ. khamati saṅghassa, tasmā tuṇhī, evametam dhārayāmi”*



#### IV. **Bước 4:** *paccuddharana* – Xả y tăng-già-lê.

Từ bước thứ 4 đến bước thứ 8 thì chúng ta phải làm trong khu vực tu viện nhập hạ chứ không được phép làm bên ngoài khu vực tu viện nhập hạ.

Paccuddharana: Có nghĩa là xả. Nghĩa rằng khi nhận y Kathina là y sanghati (y hai lớp/ y tăng già lê) thì vị đó phải xả y tăng già lê trước. Công thức để xả y tăng già lê thì chúng ta có thể xem trong đoạn băng mà Ngài Sayadaw đã chiếu ở bài giảng. Sau đó thì các vị Tỳ-kheo sẽ đọc "*Imaṃ saṅghāṭiṃ paccuddharāmi*". Câu này có nghĩa: Tôi xả bộ y tăng già lê này.

Trang web nền tảng này thì bất cứ ai cũng có thể thêm vào làm thành một trang web "[wikipali login](#)" từ điển. Bây giờ thì đã có một số người đã thêm tiếng Trung Quốc vào, do vậy chúng ta có thể thêm tiếng Việt vào để tiện cho việc sử dụng.



- Nếu y Kaṭhina là y vai trái thì phải xá y vai trái này bằng cách đọc: “*Imaṃ uttarāsaṅgaṃ paccuddharāmi*”.
- Nếu y Kaṭhina là y nội thì chúng ta phải xá y nội bằng cách đọc: “*Imaṃ antaravāsakaṃ paccuddharāmi*”.
- Trong trường hợp ở tại sīmā mà một vị Tỷ-kheo không đem theo y hai lớp (y tăng già lê) thì vị đó phải dùng câu: “*Etam saṅghāṭiṃ paccuddharāmi*” để thay cho từ "Imaṃ".

Tương tự theo cách này thì sẽ đọc câu "*Etam uttarāsaṅgaṃ paccuddharāmi*" và "*Etam antaravāsakaṃ paccuddharāmi*".

**V. Bước 5: kappabindu** – Y mới này phải được đánh dấu.

Ở Sri Lanka (Tích Lan) thì một số vị phải đọc tụng điều này “*Kappabindum karomi*”, nhưng ở Pa Auk Tawya thì chúng ta chỉ dùng cây bút để đánh dấu y. Sau khi đã đánh dấu y sẽ tới phần



*adhiṭṭhana*-nguyện y. Nếu không đánh dấu y thì không thể nguyện y được.

Sayadaw nhớ ra một câu chuyện, cách đây khoảng hơn hai mươi năm ở Pa Auk Tawya cũng đã mắc một lỗi nhỏ đó là: Khi đã làm tăng sự xong rồi thì mới nhớ ra rằng vị Tỷ-kheo nhận y Kāṭhina này quên không có làm bước kappabindu (đánh dấu y), vì thế mà Ngài Pa Auk Sayadawgyi phải gọi tất cả chư tăng để làm lại tăng sự từ đầu mặc dù trời đã rất tối.

## VI. **Bước 6:** *adhiṭṭhāna* – Nguyện y.

Điều quan trọng là nếu không có bước đánh dấu y (kappabindu) thì sẽ không thể nào nguyện y (*adhiṭṭhāna*) được. Nguyện y bằng cách nói một trong ba công thức:

“*Imaṃ saṅghāṭiṃ adhiṭṭhāmi*”.

“*Imaṃ uttarāsaṅgaṃ adhiṭṭhāmi*”.

“*Imaṃ antaravāsakaṃ adhiṭṭhāmi*”.



## VII. **Bước 7:** *attharaṇa* – Lan tỏa – Spreading

Sau khi đã nguyện y thì vị Tỷ-kheo sẽ đến bước *attharaṇa* - lan tỏa, bước này rất là quan trọng.

Ví dụ:

- Nếu y *Kaṭhina* là y nội thì vị ấy sẽ đọc là : "*iminā antaravāsakena Kaṭhinam attharāmi*" để lan tỏa phước báu của *Kaṭhina*.
- Nếu là thượng y hoặc là y vai trái thì vị đó sẽ đọc: "*iminā uttarāsaṅgena Kaṭhinam attharāmi*".
- Nếu là y hai lớp hay là y *sanghati* (y tăng già lê) thì vị Tỷ-kheo đọc để lan tỏa phước báu *Kaṭhina* bằng cách: "*imāya saṅghāṭiyā Kaṭhinam attharāmi*".

Nghĩa của câu pāli này là: “Tôi xin lan tỏa phước *Kaṭhina* này bằng y tăng-già-lê”.v.v.



Như vậy thì đối với vị Tỳ-kheo ấy đã thành tựu xong bước lan tỏa, bước rải y Kāṭhina và vị ấy đã thành tựu được quả báu Kāṭhina. Nhưng đối với những vị Tỳ-kheo khác trong tu viện thì vẫn chưa thành tựu quả báu của Kāṭhina.

### VIII. **Bước 8:** anumodana – Tùy hỷ phước Kāṭhina.

Ví dụ: Một tu viện nhỏ chỉ có một vị Tỳ-kheo thì vị đó đã thành tựu quả báu Kāṭhina rồi, do vậy vị đó không cần đến bước tùy hỷ quả báu Kāṭhina nữa.

Nghĩa rằng trong bước thứ 8 (tùy hỷ Kāṭhina), nếu một tu viện chỉ có một vị Tỳ-kheo nhập hạ thì trong luật có nói: "*atthāro pariyosānam*"

Câu này có nghĩa: Bước lan tỏa y Kāṭhina là bước cuối cùng, điều đó nghĩa rằng y Kāṭhina cũng đã thành tựu mà không cần đến những vị Tỳ-kheo tùy hỷ y Kāṭhina.

Đối với tu viện Pa Auk ở Mawlamyine thì có bước tùy hỷ y Kāṭhina. Nếu ở đó mà chư tăng



không có tùy hỷ y Kaṭhina thì sẽ không có được quả báu của Kaṭhina.

Đầu tiên vị Tỷ-kheo nhận y Kaṭhina và vị đó sẽ lan toả y Kaṭhina. Sau đó thì tất cả Tỷ-kheo đã nhập hạ tại tu viện đó sẽ đến bước tiếp theo là tùy hỷ y Kaṭhina.

- Câu tụng pali dành cho vị nhận y Kaṭhina như sau:

*“ atthatam, bhante, saṅghassakathinam, dhammiko kathinatthāro, anumodathā ”.*

- Còn đối với các vị chư tăng tùy hỷ y Kaṭhina thì sẽ đọc:

*“ atthatam, bhante, saṅghassakathinam, dhammiko kathinatthāro, anumodāmā ”.*

Như vậy thì Ngài Sayadaw đã nói cho chúng ta về 8 bước để làm thành tựu tăng sự buổi lễ dâng y Kaṭhina.



**8 BƯỚC TẶNG SỰ  
KATHINA - KAṬHINA  
CEREMONY AND  
PROCEEDURE**

**Bước 1: Dāyaka offer kaṭhina -  
Thí chủ cúng dường kaṭhina.**

**Bước 2: Electing one Bhikkhu ( any Boundary) (sīmā) - Chọn một vị Tỷ-kheo ở trong khu vực sīma thọ lãnh y kaṭhina.**

**Bước 3: Giving kaṭhina robe to the selected Bhikkhu by Formula Of Kamma (kammavācā) - Trao y cho vị Tỷ-kheo đã được chọn và sau đó chư tăng sẽ tụng tăng sự ( kammavācā).**

**Bước 4: Paccuddharana - Xả y tăng-già-lê cũ (hoặc y cũ tương ứng với y kaṭhina**

**Bước 5: Kappabindu - Y mới này phải được đánh dấu.**

**Bước 6: Adhiṭṭhāna - Nguyện y.**

**Bước 7: Attharaṇa - Lan tỏa - Spreading**

**Bước 8: Anumodana - Tùy hỷ phước kaṭhina**

**Inside vassana monasrery  
Làm trong khu vực tu viện  
nhập hạ**

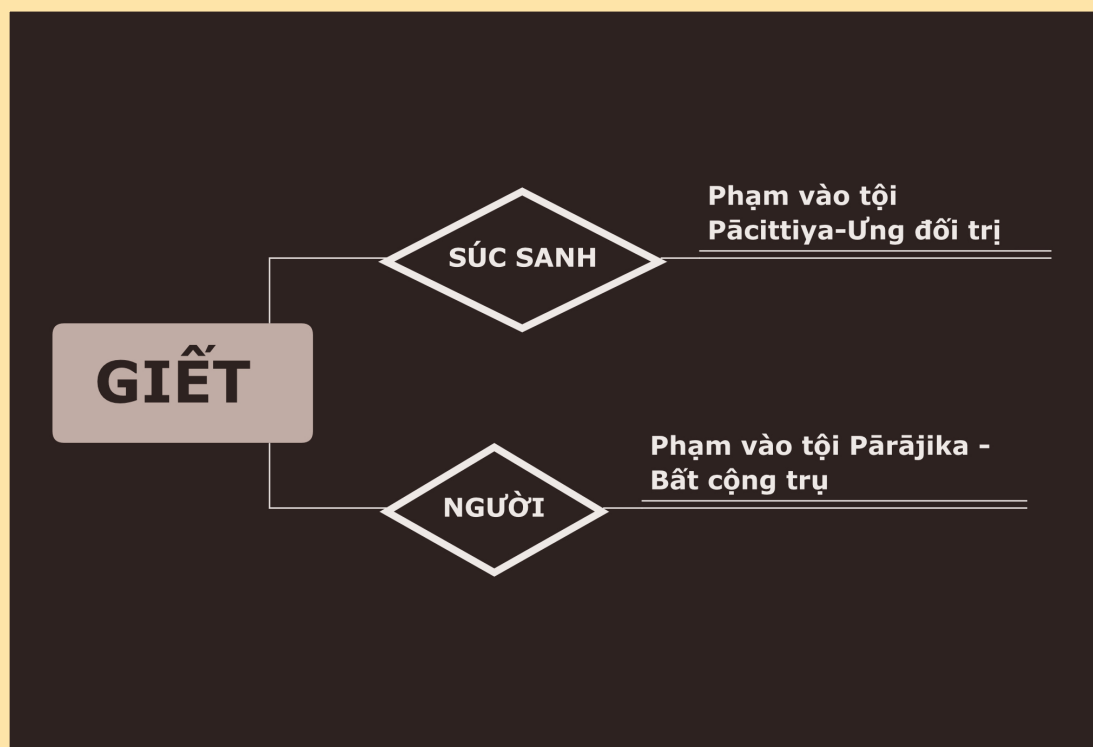
Bây giờ Ngài Sayadaw sẽ dạy cho chúng ta vào phần chính là Khuddasikkhā - Luật Tập Yếu. Giới Pārājika - Bất cộng trụ thứ hai chúng ta đã học xong, bây giờ chúng ta sẽ học về giới bất cộng trụ thứ ba.



## 5.

### **Manussaviggahaṃ cicca, jīvitā vā viyojaye; Satthahāraḥkaṃ vāssa maraṇacetano upanikkhipe.**

**Manussaviggahaṃ** = *real human being*: Đây là giới giết người chứ không phải là giết súc sanh hay động vật. Nếu giết súc sanh thì sẽ phạm vào tội Pācittiya-Ung đối trị, nhưng nếu giết người thì sẽ phạm vào tội Pārājika - Bất cộng trụ. Ngay kể cả một vị Tỳ-kheo giúp hoặc chỉ cách cho ai đó phá thai cũng đã vi phạm vào tội Pārājika - Tội bất cộng trụ.





**Cicca** = *having killing intension*: Có tác ý giết.

**jīvitā vā** = *from life faculty*: Mạng căn.

**viyojaye** = *may separate*: Chia rẽ, cắt đứt.

Câu này có nghĩa: Đầu tiên thì đối tượng phải là con người. Thứ hai là vị Tỷ-kheo phải có tác ý giết. Thứ ba là người kia đã mất thọ mạng, mạng căn bị cắt đứt (đã chết).

**Satthahāraṃ** = *knife, stone etc. Weapon*: dao, đá, súng ống, thuốc độc, vũ khí...

**vāssa** (**vā** = *or*: cách khác nữa, **assa** = *his*: anh ấy)

**maraṇacetano** = *wish this person to die*: mong người kia sẽ chết.

**upanikkhipe** = *may put nearby*: có thể đặt gần đó.



Cách khác ở đây có nghĩa: Vị Tỳ-kheo mong muốn người kia chết nên đã đặt những hung khí (dao, đá, súng ống, thuốc độc, vũ khí...) ở bên cạnh người kia với tác ý là mong cho người đó tự tử. Nếu người kia dùng những vật dụng này để tự tử và họ bị chết thì vị Tỳ-kheo này sẽ vi phạm vào tội Pārājika - Bất cộng trụ.

*(beginner = bhikkhus, case = bhikkhus killed each others in Vesālī Mahāvana forest)* – Người đầu tiên vi phạm giới này là các vị Tỳ-kheo, trong trường hợp là các vị Tỳ-kheo giết lẫn nhau tại Vesālī Mahāvana - khu rừng Mahāvana. Vào thời điểm đó có một vị Sadi đã giết rất nhiều các vị Tỳ-kheo khác, sau đó thì các vị Tỳ-kheo đã giết lẫn nhau.

**6.**

**Gāheyya maraṇūpāyaṃ, vadeyya maraṇe guṇaṃ;**

**Cuto payogā sāhatthinissaggāṇattithāvarā.**

**Gāheyya** = *cause to take*: Nguyên nhân lấy đi mạng sống.



**marañūpāyaṃ** = *the way to die*: Cách để chết.

**vadeyya** = *tell*: Tán thán sự chết.

Ví dụ khi vị Tỳ-kheo nói rằng: Bây giờ là thời điểm thí chủ chết là tốt nhất, chết bây giờ là hợp thời rồi, chết sẽ lên cõi thiên... Đây gọi là tán thán sự chết.

**marañe** = *in stopping living/ ending life/ death*: Trong việc ngừng sống / chấm dứt sự sống / cái chết.

**guṇaṃ** = *benefit*: Lợi ích (được hưởng lợi).

**Cuto** = *become Pārājika person*: Trở thành người phạm tội Pārājika - Bất cộng trụ.

**payogā** = *effort – bodily kaya-payoga and verbally vacī-payoga*: Một vị Tỳ-kheo khi giết người thì phải có sự cố gắng, phải có sự hành động.



# Cách thức giết người như sau:

Payogā = effort – bodily kaya-payoga and verbally vacī-payoga: Một vị Tỳ-kheo khi giết người thì phải có sự cố gắng, phải có sự hành động.

## CÁCH THỨC GIẾT NGƯỜI NHƯ SAU:

Nissaggi = throw arrow, shooting a gun etc: Vị Tỳ-kheo có thể dùng cung hoặc súng để bắn chết người khác.

Thāvarā = long-lasting such as digging hole, making poison in the water etc: Vị Tỳ-kheo đào hố để cho người khác rơi vào đó chết. Hoặc là vị Tỳ-kheo thả thuốc độc xuống nước thì như vậy các chúng sanh khác sẽ chết.

vijjāmayā = black magic: Dùng bùa ngải để giết người. Hiện nay bùa ngải rất là nhiều và cái này rất là nguy hiểm, do vậy chúng ta phải cẩn thận.

Sāhatthi = himself /by own hand: Tự tay vị Tỳ-kheo giết.

Āṇatti = command: Vị Tỳ-kheo ra lệnh, chỉ đạo người khác giết.

Iddhi = power gained: Thần lực; kammaja-iddhi = by past kamma: Thần lực có thể là do nghiệp quá khứ. Such as power in eye / in task / in nose etc: Thần lực đó có thể có từ mắt, mũi, lưỡi... v.v. Ví dụ: Vị đó có thể dùng thần lực ở mắt của mình để thiêu cháy người khác.



1. **Sāhatthi** = *himself /by own hand*: Tự tay vị Tỳ-kheo giết.
2. **Nissaggi** = *throw arrow, shooting a gun etc*: Vị Tỳ-kheo có thể dùng cung hoặc súng để bắn chết người khác.
3. **Āṇatti** = *command*: Vị Tỳ-kheo ra lệnh, chỉ đạo người khác giết.
4. **Thāvarā** = *long-lasting such as digging hole, making poison in the water etc*: Vị Tỳ-kheo đào hố để cho người khác rơi vào đó chết. Hoặc là vị Tỳ-kheo thả thuốc độc xuống nước thì như vậy các chúng sanh khác sẽ chết.

7.

**Iddhivijjāmayā kālavatthāvudhiritiyāpathā;  
Kriyāviseso okāso, cha āṇattiniyāmakā.**

5. **Iddhi** = *power gained*: Thần lực; **kammaja-iddhi** = *by past kamma*: Thần lực có thể là do



nghiệp quá khứ. *Such as power in eye / in task / in nose etc*: Thần lực đó có thể có từ mắt, mũi, lưỡi...v.v. Ví dụ: Vị đó có thể dùng thần lực ở mắt của mình để thiêu cháy người khác.

6. **vijjāmayā** = *black magic*: Dùng bùa ngải để giết người. Hiện nay bùa ngải rất là nhiều và cái này rất là nguy hiểm, do vậy chúng ta phải cẩn thận.

Hàng ngày tất cả chúng ta hãy nên tụng: “Buddham Saranam Gacchami. Dhammam Saranam Gacchami. Sangham Saranam Gacchami”. Như vậy thì không ai có thể bùa ngãi được chúng ta cả.

Trên đây là sáu sự cố gắng giết người bằng hai hành động: về thân (*kaya-payoga*) và khẩu (*vacī-payoga*).

Tiếp theo là ra lệnh (sai bảo người khác):



**Āṇatti = command: Ra lệnh, sai bảo**

Pārājika có hội đủ hay không còn phụ thuộc vào những điều kiện sau đây:

Kāla = time, morning, evening etc: Tội này được tính dựa theo thời gian.

Vatth (u) = person be killed. Người bị giết

Āvudh(a) = weapon, by gun, knife etc: Vật dụng giết người.

Iriyāpathā = posture; while sleeping, walking etc: Oai nghi.

Kriyāviseṣo = action, knife-injecting, knife-cutting etc: Hành động, cách giết.

Okāso = place, in the village, in the forest etc: Trú xứ, trong làng, trong rừng.

**Āṇatti** = *command*: Ra lệnh, sai bảo,

Đối với trường hợp ra lệnh thì tội Pārājika có hội đủ hay không còn phụ thuộc vào những điều kiện sau đây:



1. **Kāla** = *time, morning, evening etc*: Tội này được tính dựa theo thời gian.

Ví dụ: Vị Tỳ-kheo nói với cư sĩ là hãy đi giết người kia vào thời điểm là buổi sáng, nhưng người cư sĩ lại đi giết đối tượng kia vào buổi chiều. Do vậy vị Tỳ-kheo không phạm vào tội Pārājika - Bất cộng trụ.

2. **Vatth (u)** = *person be killed, Mr. white Mr. black etc*: Trường hợp này có nghĩa: Vị Tỳ-kheo ra lệnh cho một người cư sĩ là hãy giết ông Trắng, nhưng vị cư sĩ này đã giết nhầm ông Đen. Do vậy vị Tỳ-kheo không vi phạm vào tội Pārājika - Bất cộng trụ, bởi vì vị cư sĩ này đã không làm theo lệnh của vị Tỳ-kheo. Trong trường hợp này thì kappiya không nên nghe lời thì tốt hơn phải vậy không? Do vậy trong trường hợp như thế này thì kappiya không nên và đừng nên nghe lời vị Tỳ-kheo.

3. **Āvudh(a)** = *weapon, by gun, knife etc*: Vật dụng giết người.



Ví dụ: Vị Tỳ-kheo ra lệnh cho kappiya (cư sĩ) hãy dùng súng để giết người kia. Thế nhưng vị cư sĩ đã không nghe lời mà vị này dùng dao để giết người. Trường hợp này vị Tỳ-kheo không phạm vào tội Pārājika - Bất cộng trụ.

4. **Iriyāpathā** = *posture; while sleeping, walking etc*: Oai nghi.

Ví dụ: Vị Tỳ-kheo chỉ đạo một người cư sĩ là hãy giết đối tượng kia khi họ đang ngủ. Thế nhưng vị cư sĩ ấy đã không nghe lời mà đã giết đối tượng khi họ đang đi. Trong trường hợp này thì vị Tỳ-kheo không phạm vào tội Pārājika - Bất cộng trụ.

5. **Kriyāviseso** = *action, knife-injecting, knife-cutting etc*: Hành động, cách giết.

Ví dụ: Vị Tỳ-kheo chỉ đạo người cư sĩ dùng dao để đâm, nhưng người cư sĩ đã không đâm mà họ lại chém. Như vậy thì vị Tỳ-kheo này không vi phạm vào tội Pārājika - Bất cộng trụ.



6. **Okāso** = *place, in the village, in the forest etc*: Trú xứ, trong làng, trong rừng.v.v. Trong trường hợp vị Tỳ-kheo ra lệnh cho người cư sĩ hãy đi giết người ở trong làng. Thế nhưng người cư sĩ không nghe lời, vị ấy không giết ở trong làng mà lại giết ở trong rừng. Trường hợp này vị Tỳ-kheo này không vi phạm vào tội Pārājika - Bất cộng trụ.

**cha (6) Āṇatti** = *command*: 6 mệnh lệnh; **niyāmakā** = *be noted*: ghi nhớ. Đây là 6 mệnh lệnh cần phải được ghi nhớ, cần phải được hiểu biết.

Bài hôm nay Sayadaw đã giảng xong về giới bất cộng trụ thứ ba. Hẹn gặp lại tất cả trong bài giảng lần sau.



**Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayā’vahaṃ hotu.  
Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu.**

**Phước lành này của chúng con, nguyện đoạn  
trừ các lậu hoặc - trầm luân.**

**Phước lành này của chúng con, nguyện là  
duyên thành tựu được Niết bàn.**

**Mama puññabhāgaṃ sabbasattānaṃ bhājemi;  
Te sabbe me samaṃ puññabhāgaṃ labhantu.**

**Phần phước của chúng con, xin chia đều đến  
tất cả sanh linh, Mong tất cả hãy thọ nhận  
phần phước ấy được đều nhau.**

**Sādhu! Sādhu! Sādhu!**